

Nguyễn Vũ Khôi

**DANH LỤC BẢNG HÌNH ẢNH CÁC LOÀI
BÒ SÁT - LƯỠNG CƯ TẠI KHU VỰC BA HÒN,
HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG**



WAR
WILDLIFE AT RISK

03/2014

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

Bản quyền © **Tổ chức Wildlife At Risk, 2014.**

Bản quyền nội dung và hình ảnh: © Nguyễn Vũ Khôi 2014

Tổ chức **Wildlife At Risk** xuất bản tài liệu này.

Khuyến khích việc bảo tồn sinh cảnh và môi trường tự nhiên của các loài có nguy cơ bị đe dọa.

Không được sao chép hoặc sử dụng các nội dung trong quyển sách này dưới bất kỳ hình thức nào mà không có sự đồng ý của tác giả và những người giữ bản quyền.

Nguyễn Vũ Khôi

**DANH LỤC BẢNG HÌNH ẢNH CÁC LOÀI
BÒ SÁT - LƯỖNG CƯ TẠI KHU VỰC BA HÒN,
HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG**



03/2014

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN



Nhông xanh - *Calotes versicolor* (Daudin, 1802)

Giới thiệu

Tổ chức **Bảo vệ Động vật Hoang dã** (Wildlife At Risk, WAR) đang thực hiện dự án **Khu Cứu hộ Động vật Hoang dã Hòn Me** với diện tích ba (03) hecta nằm trên núi Hòn Me thuộc khu vực ba hòn: Hòn Me - Hòn Đất - Hòn Quéo, và nằm trong quy hoạch du lịch của chính quyền địa phương. Các hoạt động nghiên cứu của WAR không chỉ dừng trong phạm vi khu cứu hộ nói trên và cũng không chỉ đơn thuần nuôi bảo tồn và cứu một số loài động vật hoang dã, mà WAR còn vận dụng nguồn lực bổ sung để tìm hiểu về thành phần đa dạng sinh học còn sót lại trong khu vực ba hòn núi nói trên. Công việc này nhằm mục đích: vừa hỗ trợ cho công tác cứu hộ động vật hoang dã (như bổ sung thức ăn trái hoang dã cho động vật đang được cứu hộ, tìm hiểu sự hiện diện các thiên địch của loài đang cứu hộ), vừa cung cấp thông tin về thành phần loài cho các nhà quản lý địa phương (tỉnh, huyện) trong công tác bảo tồn, phát triển bền vững và giáo dục môi trường tại cộng đồng địa phương và cho du khách.

Ba mươi bốn (34) loài bò sát và lưỡng cư trong danh mục này là những quan sát ghi nhận trong giai đoạn 2012 - 2013 tập trung chủ yếu trong và sát khu vực 3 hecta trung tâm hộ động vật hoang dã Hòn Me và một vài quan sát ghi nhận tại Hòn Quéo. Chúng tôi tin rằng, khảo sát tập trung sẽ bổ sung thêm thành phần loài trong khu vực ba hòn núi nói trên. Danh mục dưới đây là những loài còn ngoài tự nhiên của khu vực Hòn Đất - Hòn Me - Hòn Quéo. Phụ lục kèm theo các loài đang được nuôi bảo tồn và cứu hộ trong khu vực 03 hecta tại Hòn Me.

Ngoài bò sát lưỡng cư, Tổ chức WAR đã và đang thu thập thông tin và có kết quả sơ bộ ban đầu về thành phần thực vật hoang dã, bướm ngày, chim và một số loài côn trùng, thú.

Tất cả hình ảnh trình bày ở đây đều được chụp tại Hòn Me và trong vùng lân cận Hòn Me trong giai đoạn 2011 - 2013.

Chúng tôi chân thành cảm ơn Tiến sĩ Nguyễn Quảng Trường, Viện Sinh thái Tài nguyên Sinh vật, với những ý kiến chuyên môn. Cảm ơn ông Bùi Hữu Mạnh, Cán bộ Bảo tồn của WAR, đã hỗ trợ việc biên soạn bản đồ và thiết kế tài liệu này.

Mọi liên lạc góp ý xin vui lòng gửi thư điện tử về địa chỉ nvkhoy70@gmail.com hoặc info@wildlifeatrisk.org.

Kiên Giang, tháng 03 năm 2014

DANH LỤC BÒ SÁT LƯỠNG CƯ
KHU VỰC HỒN ME - KIÊN GIANG

Các chữ viết tắt: VU: Sẽ nguy cấp; EN: Nguy cấp; CR: Rất nguy cấp.

LỚP LƯỠNG CƯ - AMPHIBIA

BỘ KHÔNG ĐUÔI - ANURA

Họ Cóc - Bufonidae

1. Cóc nhà - Common Asian Toad - *Duttaphrynus melanostictus* (Schneider, 1799)
Phổ biến, gặp quanh năm

Họ Nhái bầu - Microhylidae

2. Nhái bầu hoa - *Microhyla fissipes* (Boulenger, 1884) - Phổ biến, dễ gặp mùa mưa
3. Ếnh ương - *Kaloula pulchra* Gray, 1831 - Phổ biến, dễ gặp mùa mưa

Họ Ếch nhái chính thức - Dicroglossidae

4. Nhái - *Fejervarya limnocharis* (Gravenhorst, 1829) - Phổ biến, gặp quanh năm
5. Ếch đồng - *Hoplobatrachus rugulosus* (Wiegmann, 1834) - Phổ biến, gặp quanh năm
6. Cóc nước nhẵn - *Occidozyga martensii* (Peters, 1876) - Phổ biến, gặp quanh năm

Họ Ếch cây - Rhacophoridae

7. Ếch cây mu tút - *Polypedates mutus* (Gravenhorst, 1829) - Phổ biến, gặp quanh năm

LỚP BÒ SÁT - REPTILIA

BỘ CÓ VÁY - SQUAMATA

Họ Nhông - Agamidae

8. Nhông xanh - *Calotes versicolor* (Daudin, 1802) - Phổ biến, gặp nhiều đầu mùa mưa
9. Thằn lằn bay đốm - *Draco cf. maculatus* Gray, 1845 - Phổ biến, gặp quanh năm

Họ Tắc kè - Gekkonidae

10. Thạch sùng ngón đốm - *Cyrtodactylus cf. paradoxus* (Darevsky & Szczerbak, 1997)
Phổ biến, gặp quanh năm
11. Thạch sùng lá xiêm - *Dixonius siamensis* (Bououlenger, 1898) - Phổ biến, gặp quanh năm
12. Tắc kè - *Gekko gecko* Linnaeus, 1758 - VU. Phổ biến, gặp quanh năm
13. Thạch sùng - *Hemidactylus* sp. - Phổ biến, gặp quanh năm
14. Thạch sùng đuôi sần - *Hemidactylus frenatus* Schelegel, 1836 - Phổ biến, gặp quanh năm
15. Tắc kè chân vàng - *Cnemaspis auranticopes* Grismer & Ngo, 2007
Phổ biến, gặp quanh năm. Loài đặc hữu của khu vực Hòn Đất

Họ Thằn lằn bóng - Scincidae

16. Thằn lằn bóng hoa - *Eutropis multifasciatus* (Kuhl, 1820) - Phổ biến, gặp quanh năm
17. Thằn lằn cổ - *Scincella* sp. - Khó gặp, trườn nhanh dưới lá mục
18. Thằn lằn vạch - *Lipinia vittigera* (Boulenger, 1894)
Khó gặp, phơi nắng sáng sớm hoặc trưa, chiều. Gặp quanh năm

Họ Trăn - Boidae

19. Trăn gấm - *Broghammerus reticulatus* (Schneider, 1801) - CR. Khó gặp

Họ Rắn nước - Colubridae

20. Rắn roi mõm nhọn - *Ahaetulla nasutus* (Lacepède, 1789) - Phổ biến, gặp quanh năm
21. Rắn rào đốm - *Boiga multomaculata* (Boie, 1827) - Khó gặp, gặp đầu mùa mưa
22. Rắn lục cườm - *Chrysopelea ornata* (Shaw, 1802) - Phổ biến, gặp quanh năm
23. Rắn roi/rắn leo hoa - *Dendrelaphis pictus* (Gmelin, 1789) - Phổ biến, gặp quanh năm
24. Rắn snai-đor - *Cerberus schneiderii* (Schlegel, 1837) - Phổ biến, gặp quanh năm
25. Rắn kiếm đuôi vòng - *Oligodon cf. fasciolatus* (Günther, 1864) - Phổ biến, gặp quanh năm
26. Rắn kiếm mau ho ti - *Oligodon mouhoti* (Boulenger, 1914) - Khó gặp
27. Rắn hổ đất nâu - *Psammodynastes pulverulentus* (Boie, 1827) - Khó gặp
28. Rắn de - *Dryocalamus davidsonii* (Blanford, 1878) - Khó gặp
29. Rắn khuyết thường - *Lycodon capucinus* (Boie, 1827) - Khó gặp
30. Rắn hoa cổ vàng - *Rhabdophis cf. chrysagos* (Schlegel, 1837) - Khó gặp

Họ Rắn hổ - Elapidae

31. Cạp nia nam - *Bungarus candidus* (Linnaeus, 1758) - EN. Cực độc
32. Rắn cạp nong - *Bungarus fasciatus* (Schneider 1801) - EN. Cực độc
33. Rắn hổ mang - *Naja cf. kaouthia* Lesson, 1831 - EN. Cực độc

Họ Rắn lục - Viperidae

34. Rắn lục mép trắng - *Trimeresurus albolabris* (Gray, 1842) - Phổ biến, gặp quanh năm. Độc

CÁC LOÀI ĐANG NUÔI BẢO TỒN/CỨU HỘ TẠI TRUNG TÂM CỨU HỘ HÒN ME

BỘ RÙA - TESTUDINATA

Họ Rùa đầm - Geoemydidae

1. Rùa đất lớn - *Heosemys grandis* (Gray, 1860) - VU
2. Càng đước/Rùa rặng - *Heosemys annandalii* (Boulenger, 1903) - EN

Họ Rùa núi - Testudinidae

3. Rùa núi vàng - *Indotestudo elongata* Blyth, 1853 - EN

Họ Ba ba - Trionychidae

4. Cua đĩnh - *Amyda cartilaginea* (Boddaert, 1770) - VU. Đã thả về U Minh

Họ Kỳ đà - Varanidae

5. Kỳ đà vân - *Varanus nebulosus* (Gray, 1831) - EN. NGUY HIỂM

Họ Cá sấu - Crocolidae

6. Cá sấu xiêm - *Crocodylus siamensis* Schneider, 1801 - EN. NGUY HIỂM

Họ Trăn - Boidae

7. Trăn đất - *Python molurus* (Linnaeus, 1758) - CR. Đã thả về U Minh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Herpetofauna of Vietnam - Nguyen Van Sang, Ho Thu Cua & Nguyen Quang Truong - 2009 - Chimaira Buchhandelsgesellschaft mbH
2. Văn kiện dự án Khu Cứu hộ Động vật Hoang dã Hòn Me 2011 - 2013 - WAR

BẢN ĐỒ KHU VỰC NÚI HÒN ME



SƠ ĐỒ KHU CỨU HỘ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ HÒN ME



AMPHIBIA - Anura - Bufonidae



Cóc nhà - Common Asian Toad - *Duttaphrynus melanostictus* (Schneider, 1799)

AMPHIBIA - Anura - Microhylidae



Nhái bầu hoa - *Microhyla fissipes* (Boulenger, 1884)



Ễnh ương - *Kaloula pulchra* Gray, 1831

AMPHIBIA - Anura - Dicroglossidae



Nhái - *Fejervarya limnocharis* (Gravenhorst, 1829)



Ếch đồng - *Hoplobatrachus rugulosus* (Wiegmann, 1834)



Cóc nước nhẵn - *Occidozyga martensii* (Peters, 1876)



Ếch cây mu tút - *Polypedates mutus* (Gravenhorst, 1829)



Nhông xanh - *Calotes versicolor* (Daudin, 1802)



Thằn lằn bay đốm - *Draco* cf. *maculatus* Gray, 1845



Thạch sùng ngón đốm - *Cyrtodactylus* cf. *paradoxus* (Darevsky & Szczerbak, 1997)

REPTILIA - Squamata - Gekkonidae



Thạch sùng lá xiêm - *Dixonius siamensis* (Boulenger, 1898)



Tắc kè - *Gekko gecko* Linnaeus, 1758



Thạch sùng - *Hemidactylus* sp.



Thạch sùng đuôi sần - *Hemidactylus frenatus* Schelegel, 1836



Tắc kè chân vàng - *Cnemaspis auranticopes* Grismer & Ngo, 2007



Thằn lằn bóng hoa - *Eutropis multifasciatus* (Kuhl, 1820)



Thằn lằn cổ - *Scincella* sp.



Thằn lằn vạch - *Lipinia vittigera* (Boulenger, 1894)



Trăn gấm - *Broghammerus reticulatus* (Schneider, 1801)



Rắn roi mồm nhọn - *Ahaetulla nasutus* (Lacepède, 1789)



Rắn rào đốm - *Boiga multomaculata* (Boie, 1827)



Rắn lục cườm - *Chrysopelea ornata* (Shaw, 1802)



Rắn roi/rắn leo hoa - *Dendrelaphis pictus* (Gmelin, 1789)



Rắn nước snai-đor - *Cerberus schneiderii* (Schlegel, 1837)



Rắn kiếm đuôi vòng - *Oligodon cf. fasciolatus* (Günther, 1864)



Rắn kiếm mấu ho ti - *Oligodon mouhoti* (Boulenger, 1914)



Rắn hổ đất nâu - *Psammodynastes pulverulentus* (Boie, 1827)

REPTILIA - Squamata - Colubridae



Răn de - *Dryocalamus davidsonii* (Blanford, 1878)



Rắn khuyết thường - *Lycodon capucinus* (Boie, 1827)



Rắn hoa cổ vàng - *Rhabdophis* cf. *chrysagos* (Schlegel, 1837)



Cạp nia nam - *Bungarus candidus* (Linnaeus, 1758)



Rắn lục mép trắng - *Trimeresurus albolabris* (Gray, 1842)

Nguyễn Vũ Khôi

**DANH LỤC BẢNG HÌNH ẢNH CÁC LOÀI
BÒ SÁT - LƯỠNG CƯ TẠI KHU VỰC BA HÒN,
HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG**

Bìa và trình bày: **Bùi Hữu Mạnh**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

Hệ điều hành **Linux Fedora 13** 

Dàn trang **Scribus 1.3.9** 

Xử lý hình ảnh **GIMP 2.6.8** 

Tách màu CMYK **Separate+ 0.5.8**

In 300 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty TNHH In ấn Thiên Yên

Đăng ký KHXB số 88-2014/CXB/20-201/VHTT

Giấy phép xuất bản số: 63/QĐ-VHTT

In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2014



Tổ chức Wildlife At Risk (WAR) được thành lập để bảo vệ đa dạng sinh học của Việt Nam thông qua việc chống buôn bán bất hợp pháp động vật hoang dã, nâng cao ý thức về môi trường và khuyến khích việc bảo tồn các loài có nguy cơ bị đe dọa và bảo vệ môi trường sống của chúng.

Địa chỉ : 202/10 Nguyễn Xí, P.26, Q. Bình Thạnh,
Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : (+84) 8 38997314
Fax : (+84) 8 38997316
Thư điện tử : info@wildlifeatrisk.org
Trang web : www.wildlifeatrisk.org